

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **3595** /PPC-TCKT

Hải Dương, ngày ~~17~~ tháng 07 năm 2019

V/v: thay biểu lưu chuyển tiền tệ quý
2/2019

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
Sở giao dịch chứng khoán TP HCM.

Căn cứ Báo cáo tài chính quý 2/2019 của Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại,
mã CK PPC đã nộp và CBTT,

Trong quá trình kiểm tra và rà soát số liệu, Công ty phát hiện Biểu lưu
chuyển tiền tệ gián tiếp Mẫu số B03-DN đã nộp bị nhầm số liệu. Bằng văn bản này,
Công ty xin hiệu chỉnh lại thông tin trên Biểu lưu chuyển tiền tệ Quý 2/2019 (*Biểu
B03-DN kèm theo*). Báo cáo lưu chuyển tiền tệ quý 2/2019 tại công văn này thay thế
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Quý 2/2019 đã ban hành.

Trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TCKT.



Phạm Văn Thư

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP

Từ kỳ : Q1_2019 đến kỳ : Q2_2019

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	706 880 010 692	881 043 675 173
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	2	17 359 831 795	16 968 369 645
- Các khoản dự phòng	3	(7 700 124 934)	(202 400 222 995)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4	16 200 000 000	28 230 304 722
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(164 709 811 038)	(138 589 230 182)
- Chi phí lãi vay	6	7 420 434 375	13 596 021 629
- Các khoản điều chỉnh khác	7		
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	575 450 340 890	598 848 917 992
- Tăng giảm các khoản phải thu	9	(765 384 756 691)	(597 614 062 249)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	(215 291 035 066)	(14 469 364 917)
- Tăng giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(439 331 036 927)	(62 610 034 243)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	1 914 125 410	220 112 649
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		
- Tiền lãi vay đã trả	14	6 995 876 250	6 247 169 357
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(75 661 465 974)	(19 294 834 885)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		62 867 478 852
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(31 369 758 012)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(942 677 710 120)	(25 804 617 444)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(18 399 546 272)	(1 081 900 111)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2 565 004 867
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(350 000 000 000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	1 750 000 000 000	415 303 600 712

5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	40 828 337 104	77 655 491 979
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1 422 428 790 832	494 442 197 447
III- Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền thu từ đi vay	33		
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(384 735 664 800)	(416 535 959 775)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(384 735 664 800)	(416 535 959 775)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	95 015 415 912	52 101 620 228
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	143 402 399 271	208 919 479 866
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (lấy theo số dư tài khoản)	70	238 417 815 183	261 021 200 094

Người lập

Đinh Thị Diễm Quỳnh

Kế toán trưởng

Lê Thế Sơn



Phạm Văn Thư